

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2022



CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Tổ dân phố Tứ Mỹ, phường Phùng Chí Kiên, thị xã Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 34

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Tổ dân phố Tứ Mỹ, phường Phùng Chí Kiên, thị xã Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát đã điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Hà Thị Hải Vân	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Ngọc Hà	Thành viên
Bà Lưu Thị Thu Thủy	Thành viên
Ông Trần Duy Cường	Thành viên
Ông Vũ Văn Toàn	Thành viên - Miễn nhiệm từ 15/12/2022

Ban điều hành và Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Dương Hải	Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Hồng Khang	Kế toán trưởng - Bỏ nhiệm từ 29/04/2022
Bà Cao Thị Hải Yến	Kế toán trưởng - Miễn nhiệm từ 29/04/2022

Ban Kiểm soát

Bà Hà Thị An	Trưởng ban - Bỏ nhiệm từ 18/03/2022
Bà Đào Thị Thu Hương	Trưởng ban - Miễn nhiệm từ 18/03/2022
Bà Lê Thị Nga	Thành viên - Bỏ nhiệm từ 18/03/2022
Bà Nguyễn Thị Thùy Linh	Thành viên - Bỏ nhiệm từ 18/03/2022
Bà Phan Thị Diệu Linh	Thành viên - Miễn nhiệm từ 18/03/2022
Bà Nguyễn Thị Thúy	Thành viên - Miễn nhiệm từ 18/03/2022

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Hội đồng quản trị Công ty khẳng định rằng: không có bất cứ sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Tổ dân phố Tứ Mỹ, phường Phùng Chí Kiên, thị xã Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Hội đồng quản trị được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Hội đồng quản trị xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng: sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Hội đồng quản trị cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Hội đồng quản trị Công ty cam kết rằng: Công ty đã tuân thủ và không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng quản trị.



Hà Thị Hải Vân

Chủ tịch HĐQT

Hưng Yên, ngày 16 tháng 03 năm 2023

Số: 190/2023/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh (Sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 16/03/2023, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh tại ngày 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán khác và Công ty Kiểm toán này đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần với Báo cáo tài chính này theo báo cáo kiểm toán số 04NV2/2022/ASCO/BCKT ngày 21/02/2022.



Phạm Gia Đạt

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số:

0798-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hưng Yên, ngày 16 tháng 03 năm 2023

Hoàng Thị Nga

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số:

4079-2023-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31/12/2022

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		518.784.435.585	518.900.611.267
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	2.406.321.719	8.614.078.932
Tiền	111		2.356.321.719	4.196.314.014
Các khoản tương đương tiền	112		50.000.000	4.417.764.918
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		198.107.905.828	209.205.525.815
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	186.634.282.617	175.023.834.795
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	98.551.929.528	28.595.790.691
Các khoản phải thu khác	136	10	1.023.475.004	11.425.487.004
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(88.101.781.321)	(5.839.586.675)
Hàng tồn kho	140	11	315.955.008.664	299.039.607.158
Hàng tồn kho	141		316.089.300.370	299.039.607.158
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(134.291.706)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.315.199.374	2.041.399.362
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		136.668.366	144.158.603
Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.121.564.343	1.840.274.094
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	56.966.665	56.966.665
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		244.910.166.187	176.459.580.295
Tài sản cố định	220		49.703.409.221	63.727.436.271
Tài sản cố định hữu hình	221	12	49.703.409.221	61.702.179.686
- Nguyên giá	222		117.788.288.828	130.764.633.245
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(68.084.879.607)	(69.062.453.559)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	13	-	2.025.256.585
- Nguyên giá	225		-	4.860.615.825
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	(2.835.359.240)
Bất động sản đầu tư	230	14	31.581.783.000	56.654.844.987
- Nguyên giá	231		31.581.783.000	56.654.844.987
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		2.482.596.354	2.451.109.086
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.482.596.354	2.451.109.086
Đầu tư tài chính dài hạn	250	8	160.101.092.984	53.003.533.569
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		168.463.533.569	53.003.533.569
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(8.362.440.585)	-
Tài sản dài hạn khác	260		1.041.284.628	622.656.382
Chi phí trả trước dài hạn	261		1.041.284.628	622.656.382
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		763.694.601.772	695.360.191.562

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31/12/2022

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		393.418.660.539	334.633.825.934
Nợ ngắn hạn	310		393.418.660.539	334.015.075.934
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	160.624.852.856	107.056.544.423
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		738.691.660	431.788.960
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	12.774.974.208	13.825.737.014
Phải trả người lao động	314		268.791.125	251.960.003
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		320.820.710	255.388.716
Phải trả ngắn hạn khác	319		12.516.000	32.480.000
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	218.438.401.130	211.921.563.968
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		239.612.850	239.612.850
Nợ dài hạn	330		-	618.750.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	17	-	618.750.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	18	370.275.941.233	360.726.365.628
Vốn chủ sở hữu	410		370.275.941.233	360.726.365.628
Vốn góp của chủ sở hữu	411		280.499.680.000	280.499.680.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		280.499.680.000	280.499.680.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		556.025.698	556.025.698
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		89.220.235.535	79.670.659.930
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		79.670.659.930	18.107.451.055
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		9.549.575.605	61.563.208.875
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		763.694.601.772	695.360.191.562

Hưng Yên, ngày 16 tháng 03 năm 2023


Trần Thị Hồng Khang
Người lập biểu

Trần Thị Hồng Khang
Kế toán trưởng

Hà Thị Hải Vân
Chủ tịch HĐQT

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	Năm 2021
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	968.781.064.821	1.123.697.019.902
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	77.113.225	190.094.095
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		968.703.951.596	1.123.506.925.807
Giá vốn hàng bán	11	22	955.354.442.633	1.019.249.205.306
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		13.349.508.963	104.257.720.501
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	1.189.619.124	150.877.272
Chi phí tài chính	22	24	28.871.335.200	18.309.555.073
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		20.496.366.615	16.960.418.459
Chi phí bán hàng	25	25	1.729.694.295	1.912.698.486
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	93.052.401.349	5.707.823.451
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(109.114.302.757)	78.478.520.763
Thu nhập khác	31	26	123.049.134.103	84.388.150
Chi phí khác	32	27	1.789.273.057	884.266.959
Lợi nhuận khác	40		121.259.861.046	(799.878.809)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		12.145.558.289	77.678.641.954
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		2.595.982.684	15.947.433.079
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		9.549.575.605	61.731.208.875
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	340	2.225

Hưng Yên, ngày 16 tháng 03 năm 2023



Trần Thị Hồng Khang
Người lập biểu



Trần Thị Hồng Khang
Kế toán trưởng



Hà Thị Hải Vân
Chủ tịch HĐQT

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		12.145.558.289	77.678.641.954
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		8.083.162.886	9.636.888.752
Các khoản dự phòng	03		90.758.926.937	391.669.952
Lãi, lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(1.124.775.373)	1.280.456.747
Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	05		(123.093.619.687)	31.080.483
Chi phí lãi vay	06		20.496.366.615	16.960.418.459
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		7.265.619.667	105.979.156.347
Tăng giảm các khoản phải thu	09		(69.506.948.060)	(16.001.871.972)
Tăng giảm hàng tồn kho	10		(17.049.693.212)	(109.731.036.600)
Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		52.570.712.614	76.604.161.370
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(411.138.009)	726.571.221
Tiền lãi vay đã trả	14		(20.431.144.946)	(17.029.673.536)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(5.066.514.180)	(3.884.724.657)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(66.000.000)	(374.400.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		(52.695.106.126)	36.288.182.173
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(823.582.000)	(2.769.599.003)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		15.002.549.343	94.600.000
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		34.540.000.000	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		64.843.751	150.877.272
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		48.783.811.094	(2.524.121.731)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		567.832.155.999	500.515.306.641
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(560.490.318.837)	(499.949.788.295)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		(9.638.299.343)	(825.000.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(27.303.661.620)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		(2.296.462.181)	(27.563.143.274)
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	50		(6.207.757.213)	6.200.917.168
<i>Tiền và tương đương tiền đầu năm</i>	60		8.614.078.932	2.413.161.764
<i>Tiền và tương đương tiền cuối năm</i>	70	5	2.406.321.719	8.614.078.932

Hưng Yên, ngày 16 tháng 03 năm 2023



Trần Thị Hồng Khang
Người lập biểu




Trần Thị Hồng Khang
Kế toán trưởng

Hà Thị Hải Vân
Chủ tịch HĐQT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 KHÁI QUÁT CHUNG

Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh, tên viết tắt là PAS (gọi tắt là “Công ty”); được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0900613295 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 30/08/2010 và thay đổi lần thứ 16 ngày 15/09/2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tổ dân phố Tứ Mỹ, phường Phùng Chí Kiên, thị xã Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Ngày 13/11/2018, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có công văn số 7595/UBCK-GSDC chấp thuận Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh trở thành công ty đại chúng.

Ngày 21/11/2018, Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh được Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 105/2018/GCNCP-VSD với mã chứng khoán là PAS.

Vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là: 280.499.680.000 đồng (Hai trăm tám mươi tỷ, bốn trăm chín mươi chín triệu, sáu trăm tám mươi nghìn đồng chẵn./.).

Tổng số nhân viên của Công ty bao gồm Văn phòng tại ngày 31/12/2022 là 36 người (tại ngày 01/01/2022 là 34 người).

1.2 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Sản xuất sản phẩm từ plastic. Chi tiết: Sản xuất bao bì nhựa
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại (trừ các loại Nhà nước cấm)
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Bán buôn sắt, thép
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại
- Bốc xếp hàng hóa (không bao gồm bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, vũ trường, phòng hát karaoke)
- Xây dựng nhà các loại
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác...

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán của Công ty từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 năm dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này là đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư số 153/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam trong việc lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

4.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định kế toán hiện hành tại Việt Nam.

4.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định trong thời gian không quá 3 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU (TIẾP)

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.5 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

4.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH, TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***4.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH, TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH VÀ HAO MÒN (TIẾP)***Tài sản cố định thuê tài chính*

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian sử dụng (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc thiết bị	05 - 15
Phương tiện, vận tải	03 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

4.7 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất thuộc quyền sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không thực hiện trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.8 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH*Đầu tư vào Công ty liên kết*

Công ty liên kết là công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc; lợi nhuận thuần được chia từ Công ty con, Công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Việc lập dự phòng tổn thất đầu tư căn cứ vào giá trị khoản lỗ lũy kế trên báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư và có thể được hoàn nhập khi có lãi. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm các khoản chi phí phát sinh trong năm tài chính có liên quan đến nhiều kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh. Các chi phí này được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều kỳ.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh trong từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

4.10 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Chi phí phải trả là các khoản chi phí thực tế phát sinh nhưng chưa có đầy đủ chứng từ và được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi các khoản chi trả phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh. Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

4.11 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Trường hợp khoản vốn vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hóa cho tài sản dở dang đó sẽ được xác định là chi phí đi vay thực tế phát sinh từ các khoản vay trừ (-) đi các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của các khoản vay này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.12 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu tài chính bao gồm: lãi tiền gửi ngân hàng, lãi từ hoạt động đầu tư, các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia từ hoạt động đầu tư, Công ty ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong kỳ được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ.

4.13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Số thuế của kỳ hiện hành phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (trong trường hợp Công ty điều chỉnh các khoản thuế hoãn lại hoặc áp dụng chính sách kế toán phản ánh doanh thu và chi phí khác với chính sách thuế của kỳ hiện hành), không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác và không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được áp dụng cho kỳ hiện tại là 20%.

Lợi nhuận chịu thuế được xác định dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh sau khi đã điều chỉnh cho các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản chi phí không được khấu trừ. Việc xác định lợi nhuận chịu thuế và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***4.14 NGOẠI TỆ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các nghiệp vụ này sẽ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí trong kỳ.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá hối đoái tại ngày này.

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

4.15 BÊN LIÊN QUAN

Một bên được coi là Bên liên quan của Công ty nếu có khả năng kiểm soát được hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty trong việc ra quyết định về tài chính và hoạt động kinh doanh. Một bên có khả năng kiểm soát đối với Công ty khi nắm giữ vai trò đáng kể trong quyền biểu quyết và quyền quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty. Ngoài ra, quan hệ tài sản, công nợ và các giao dịch với các bên bị chi phối bởi cùng một chủ thể thì cũng được coi là quan hệ và giao dịch với các bên liên quan. Chủ thể chi phối có thể là đơn vị kinh tế hoặc cá nhân nhà đầu tư, nhà quản lý.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan phát sinh trong năm được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Tiền mặt	7.912.039	689.924.454
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.348.409.680	3.506.389.560
- Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	50.000.000	4.417.764.918
	<u>2.406.321.719</u>	<u>8.614.078.932</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH
 Tổ dân phố Tứ Mỹ, phường Phùng Chí Kiên, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
 (Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	186.634.282.617	(62.786.122.501)	175.023.834.795	(4.103.686.675)
- Asian Impex Ltd	26.618.330.643	(26.618.330.643)	25.488.863.795	-
- Công ty TNHH Phương Nhật Quân	25.139.892.385	-	8.522.372.512	-
- Công ty TNHH MTV Sản xuất Thép Miền Nam	11.695.208.942	-	26.727.061.540	-
- Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Hùng Quân	23.849.255.040	-	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Bắc Giang	16.236.199.671	-	-	-
- Công ty TNHH Thương mại tư vấn C.H	14.106.091.506	-	-	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng thương mại và Xuất nhập khẩu Vạn Xuân	732.647.501	(732.647.501)	10.662.647.501	-
- Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại Đại Dương Xanh	30.683.278.231	(30.683.278.231)	34.683.278.231	-
- Công ty Cổ phần Khai thác khoáng sản Lam Sơn	-	-	11.590.447.563	-
- Công ty TNHH Tư vấn và Thương mại Nam Thăng Long	-	-	22.949.225.533	-
- Các khách hàng khác	37.573.378.698	(4.751.866.126)	34.399.938.120	(4.103.686.675)
	186.634.282.617	(62.786.122.501)	175.023.834.795	(4.103.686.675)

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	98.551.929.528	(25.315.658.820)	28.595.790.691	(1.735.900.000)
- Global Posco Co.,Ltd	23.501.808.820	(23.501.808.820)	23.349.751.287	-
- Công ty TNHH IPS Engineering	1.660.500.000	(1.660.500.000)	1.660.500.000	(1.660.500.000)
- Ông Nguyễn Hùng Cường (*)	71.740.000.000	-	-	-
- Các đối tượng khác	1.649.620.708	(153.350.000)	3.585.539.404	(75.400.000)
	98.551.929.528	(25.315.658.820)	28.595.790.691	(1.735.900.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH
 Tổ dân phố Tứ Mỹ, phường Phùng Chí Kiên, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
 (Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN (TIẾP)

(*) Đây là khoản đặt cọc và thanh toán theo tiến độ lần 1 theo hợp đồng đặt cọc giữa Công ty và Ông Nguyễn Hùng Cường ngày 16/12/2022 về việc đặt cọc để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất số P405184 và số P405181 của thửa đất số 12 và số 16, thuộc tờ bản đồ K11 tại huyện Quốc Oai, TP Hà Nội với tổng diện tích là 4,1 ha thuộc sở hữu của Ông Nguyễn Hùng Cường với tổng giá trị chuyển nhượng 209.100.000.000 đồng.

8. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	168.463.533.569	(8.362.440.585)	53.003.533.569	-
Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	168.463.533.569	(8.362.440.585)	53.003.533.569	-
- Công ty Cổ phần Khách sạn Vườn Đào Hạ Long	53.003.533.569	(8.362.440.585)	53.003.533.569	-
- Công ty Cổ phần Địa ốc Thành Lâm	115.460.000.000	-	-	-

Tại thời điểm 31/12/2022, Công ty chưa có cơ sở để xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên kết để thuyết minh trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 do không có giá giao dịch trên thị trường đối với các khoản đầu tư này hoặc không có đầy đủ thông tin cần thiết để xác định giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Thông tin chi tiết về các Công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2022 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Khách sạn Vườn Đào Hạ Long	Đường Hạ Long - Khu 4, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam	45%	45%	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
Công ty Cổ phần Địa ốc Thành Lâm	97 Lý Triện, Phường An Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	46%	46%	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Tổ dân phố Tứ Mỹ, phường Phùng Chí Kiên, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. NỢ XẤU

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Phải thu khách hàng				
Công nợ quá hạn từ 3 năm trở lên				
+ Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thép Đại Thành Phát	2.260.582.089	-	2.260.582.089	-
+ Công ty Cổ phần TSC Hà Nội	519.868.800	-	519.868.800	-
+ Công ty TNHH Thương mại và Kim khí Minh Hiếu	460.224.740	-	460.224.740	-
+ Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Lâm Quan Thanh	421.548.384	-	421.548.384	-
+ Công ty Cổ phần Vật liệu Hàn Thiện Phúc	189.262.427	-	189.262.427	-
+ Công ty TNHH Cơ khí chính xác Tân Minh Ngọc	43.240.144	-	43.240.144	12.972.041
+ Công ty Cổ phần Đức Dương Việt Nam	443.864.265	-	443.864.265	221.932.133
Công nợ quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm				
+ Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại Đại Dương Xanh	30.683.278.231	-	-	-
+ Asian Impex Ltd	26.618.330.643	-	25.488.863.795	25.488.863.795
+ Công ty TNHH Cơ khí Thiên Phú	102.576.224	51.288.112	-	-
+ Công ty cổ phần đầu tư và khoáng sản FLC STONE	316.972.941	-	-	-
+ Công ty cổ phần xây dựng thương mại và xuất nhập khẩu Vạn Xuân	732.647.501	-	-	-
+ Các đối tượng khác	52.557.410	7.543.186	-	-
Trả trước cho người bán				
Công nợ quá hạn từ 3 năm trở lên				
+ Công ty TNHH IPS Engineering	1.660.500.000	-	1.660.500.000	-
+ Công ty Chứng khoán Quốc tế Hoàng gia	-	-	33.000.000	-
+ Trung tâm xúc tiến đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp	-	-	22.000.000	-
+ Công ty TNHH Tư vấn quản lý và Phát triển doanh nghiệp	-	-	20.400.000	-
Công nợ quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm				
+ Global Posco Co.,Ltd	23.501.808.820	-	23.349.751.287	23.349.751.287
Công nợ quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm				
+ Công ty Cổ phần Chứng Khoán Tân Việt (TVSI)	110.000.000	55.000.000	-	-
+ Công ty Enlightenment	90.000.000	45.000.000	-	-
+ Công ty TNHH Tự động hóa Toàn Cầu	106.700.000	53.350.000	-	-
Cộng	88.313.962.619	212.181.298	54.913.105.931	49.073.519.256

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Tổ dân phố Tứ Mỹ, phường Phùng Chí Kiên,
Thị xã Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	1.023.475.004	-	11.425.487.004	-
- Tạm ứng	35.000.000	-	7.180.000	-
- Ký cược, ký quỹ	10.307.004	-	11.248.000.000	-
- Bà Nguyễn Thị Hương	-	-	10.208.000.000	-
- Ông Nguyễn Xuân Thu	-	-	1.040.000.000	-
- Phải thu khác	978.168.000	-	170.307.004	-
	1.023.475.004	-	11.425.487.004	-

11. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Hàng đang đi trên đường	9.487.557.582	-	7.548.019.276	-
- Nguyên liệu, vật liệu	712.427.077	-	942.435.644	-
- Công cụ, dụng cụ	70.543.793	-	80.681.767	-
- Thành phẩm	1.906.608.194	-	2.131.843.376	-
- Hàng hoá	303.912.163.724	(134.291.706)	288.336.627.095	-
	316.089.300.370	(134.291.706)	299.039.607.158	-

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Tổ dân phố Tứ Mỹ, phường Phùng Chí Kiên, thị xã Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
01/01/2022	67.536.703.854	55.015.464.131	6.945.362.727	293.308.980	973.793.553	130.764.633.245
- Đầu tư XDCB hoàn thành	100.434.400	1.419.410.520	-	-	-	1.519.844.920
- Thanh lý	-	(22.868.263.893)	-	-	-	(22.868.263.893)
- Thu lại tài sản thuế tài chính	-	8.372.074.556	-	-	-	8.372.074.556
31/12/2022	67.637.138.254	41.938.685.314	6.945.362.727	293.308.980	973.793.553	117.788.288.828
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
01/01/2022	19.683.883.466	42.626.506.225	5.954.444.888	293.308.980	504.310.000	69.062.453.559
- Khấu hao trong năm	2.777.482.570	2.733.213.198	630.839.034	-	93.896.712	6.235.431.514
- Thanh lý	-	(7.213.005.466)	-	-	-	(7.213.005.466)
31/12/2022	22.461.366.036	38.146.713.957	6.585.283.922	293.308.980	598.206.712	68.084.879.607
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
01/01/2022	47.852.820.388	12.388.957.906	990.917.839	-	469.483.553	61.702.179.686
31/12/2022	45.175.772.218	3.791.971.357	360.078.805	-	375.586.841	49.703.409.221

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 31/12/2022 là 6.860.583.409 đồng (Tại ngày 01/01/2022 là 12.529.481.860 đồng)

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là 47.765.574.900 đồng (Tại ngày 01/01/2022 là 53.390.249.251 đồng)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH CHO THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc thiết bị	Tổng cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2022	4.860.615.825	4.860.615.825
- Thuê tài chính trong năm	8.194.549.343	8.194.549.343
- Giảm thuê tài chính trong năm	(13.055.165.168)	(13.055.165.168)
31/12/2022	-	-
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUYẾT KẾ		
01/01/2022	2.835.359.240	2.835.359.240
- Khấu hao trong năm	1.847.731.372	1.847.731.372
- Giảm khấu hao	(4.683.090.612)	(4.683.090.612)
31/12/2022	-	-
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2022	2.025.256.585	2.025.256.585
31/12/2022	-	-

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Tổ dân phố Tứ Mỹ, phường Phùng Chí Kiên, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	01/01/2022 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	31/12/2022 VND
Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	56.654.844.987	-	25.073.061.987	31.581.783.000
- Quyền sử dụng đất	56.654.844.987	-	25.073.061.987	31.581.783.000
+ <i>Quyền sử dụng thửa đất số 197 Đà Nẵng (1)</i>	31.581.783.000	-	-	31.581.783.000
+ <i>Quyền sử dụng thửa đất số 99 Đà Nẵng (2)</i>	25.073.061.987	-	25.073.061.987	-
Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	-
Giá trị còn lại	56.654.844.987	-	25.073.061.987	31.581.783.000
- Quyền sử dụng đất	56.654.844.987	-	25.073.061.987	31.581.783.000

(1) Là quyền sử dụng thửa đất số 18 tờ bản đồ số 758 (Nay là thửa đất số 197 tờ bản đồ số 79) tại Lô B7 Khu phức hợp đô thị, thương mại dịch vụ cao tầng và căn hộ đầu tuyến Sơn Trà – Điện Ngọc, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 645774, số vào sổ cấp GCN: CT01687 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 25/11/2020. Diện tích: 1052,2 m². Mục đích sử dụng: Đất ở kết hợp thương mại, dịch vụ, du lịch. Thời hạn sử dụng: lâu dài.

(2) Là quyền sử dụng thửa đất số 2 tờ bản đồ số A2-1 (Nay là thửa đất số 99 tờ bản đồ số 61) tại Tổ hợp trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê, nhà ở cao tầng và biệt thự cao cấp Sơn Trà – Điện Ngọc, phường Ngọc Quang, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 992090, số vào sổ cấp GCN: CT09442 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 04/10/2011. Diện tích: 2002,9 m². Mục đích sử dụng: Đất tổ hợp trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê, nhà ở cao tầng. Thời hạn sử dụng: lâu dài. Trong năm, quyền sử dụng đất này đã được Công ty góp vốn vào Công ty Cổ phần Địa ốc Thành Lâm.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31/12/2022 nên chưa trình bày trên Thuyết minh Báo cáo tài chính. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một đơn vị tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được Công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH
Tổ dân phố Từ Mỹ, phường Phùng Chí Kiên, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	160.624.852.856	160.624.852.856	107.056.544.423	107.056.544.423
- Công ty TNHH Marubeni Itochu Steel Việt Nam	29.497.373.997	29.497.373.997	29.419.096.164	29.419.096.164
- Công ty Cổ phần Everland Phú Yên	53.610.069.158	53.610.069.158	57.842.537.221	57.842.537.221
- Công ty Cổ phần Thép Sài Gòn	4.377.085.295	4.377.085.295	7.583.521.361	7.583.521.361
- Công ty TNHH Phúc Viên Xuân	-	-	4.695.261.812	4.695.261.812
- Công ty Cổ phần Dầu tư Xuân Đài Bay	25.401.002.697	25.401.002.697	-	-
- Công ty TNHH Thương mại Hà Vĩnh	17.454.038.106	17.454.038.106	-	-
- Công ty TNHH Xây dựng và Đầu tư BĐS Thăng Long	13.961.844.316	13.961.844.316	-	-
- Các đối tượng khác	16.323.439.287	16.323.439.287	7.516.127.865	7.516.127.865
	160.624.852.856	160.624.852.856	107.056.544.423	107.056.544.423

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	01/01/2022		Số phải nộp trong năm		Số đã nộp/khấu trừ trong năm		31/12/2022	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Phải nộp	13.825.737.014	102.816.232.931	102.816.232.931	103.866.995.737	103.866.995.737	12.774.974.208	12.774.974.208	
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	97.317.409.354	97.317.409.354	97.317.409.354	-	-	-	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.694.676.884	2.595.982.684	2.595.982.684	5.066.514.180	5.066.514.180	10.224.145.388	10.224.145.388	
- Thuế thu nhập cá nhân	407.774.825	1.010.534.480	1.010.534.480	854.000	854.000	1.417.455.305	1.417.455.305	
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	287.128.800	625.630.600	625.630.600	338.401.800	338.401.800	574.357.600	574.357.600	
- Các loại thuế khác	-	1.139.816.403	1.139.816.403	1.139.816.403	1.139.816.403	-	-	
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	436.156.505	126.859.410	126.859.410	4.000.000	4.000.000	559.015.915	559.015.915	
Phải thu	56.966.665	609.569.969	609.569.969	609.569.969	609.569.969	56.966.665	56.966.665	
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	23.829.364	405.641.399	405.641.399	405.641.399	405.641.399	23.829.364	23.829.364	
- Thuế xuất, nhập khẩu	33.137.301	203.928.570	203.928.570	203.928.570	203.928.570	33.137.301	33.137.301	

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH
 Tổ dân phố Từ Mỹ, phường Phùng Chí Kiên, thị xã Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
 (Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	31/12/2022		01/01/2022		Số có khả năng trả nợ
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	
Vay ngắn hạn	218.438.401.130	218.438.401.130	563.694.378.167	557.177.541.005	211.921.563.968
Vay ngắn hạn	218.438.401.130	218.438.401.130	563.694.378.167	556.352.541.005	211.096.563.968
- Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - CN Hà Nội	-	-	155.806.939.434	275.764.215.021	119.957.275.587
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - CN Vĩnh Phúc (1)	115.363.519.760	115.363.519.760	255.216.999.258	230.992.767.879	91.139.288.381
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	-	-	25.508.851.071	25.508.851.071	-
- Ngân hàng TMCP Quân đội (2)	10.850.000.000	10.850.000.000	21.250.000.000	10.400.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn (3)	66.124.881.370	66.124.881.370	66.124.881.370	-	-
- Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	-	-	13.686.707.034	13.686.707.034	-
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (4)	26.100.000.000	26.100.000.000	26.100.000.000	-	-
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	-	-	-	825.000.000	825.000.000
- Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính NHTMCP Ngoại thương Việt Nam	-	-	-	825.000.000	825.000.000
Nợ thuê tài chính dài hạn	-	-	8.194.549.343	8.813.299.343	618.750.000
- Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính NHTMCP Ngoại thương Việt Nam	-	-	8.194.549.343	8.813.299.343	618.750.000
Tổng cộng	218.438.401.130	218.438.401.130	571.888.927.510	565.990.840.348	212.540.313.968

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

- (1) Hợp đồng tín dụng số 26/2022/HDHM-PN/SHB.112500 ngày 18/02/2022 ký kết giữa Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội – Chi nhánh Vĩnh Phúc và Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh, với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 158.000.000.000 VNĐ;
 - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh thép các loại (không bao gồm thép phế liệu);
 - Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng;
 - Lãi suất cho vay: Quy định cụ thể trên từng khế ước nhận nợ;
- Tài sản đảm bảo là tài sản của Công ty cụ thể như sau:*
- Quyền sử dụng đất tại xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, TP Hà Nội (nay là phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội) theo GCN quyền sử dụng đất số Đ 314551, số vào sổ cấp GCN QSDĐ: 01051/QSDĐ/753/QĐ-UBH do UBND huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội cấp ngày 23/04/2004.
 - Quyền sử dụng đất tại Lô A15 đường Vũ Ngọc Nhạ, Khu phức hợp đô thị, thương mại dịch vụ cao tầng và căn hộ đầu tuyến Sơn Trà – Điện Ngọc, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng, Thửa đất số: 154 theo GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác với đất số CE 722381, số vào sổ cấp GCN: CTs 113946 do Sở tài nguyên và môi trường Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 30/11/2016.
 - Quyền sử dụng đất tại Lô A18 Khu phức hợp đô thị, thương mại dịch vụ cao tầng và căn hộ đầu tuyến Sơn Trà – Điện Ngọc, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng, Thửa đất số: 6 theo GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 645829, số vào sổ cấp GCN: CT01732 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 09/12/2010.
 - Quyền sử dụng đất tại Lô A17 Khu phức hợp đô thị, thương mại dịch vụ cao tầng và căn hộ đầu tuyến Sơn Trà – Điện Ngọc, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng, Thửa đất số: theo GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 645828, số vào sổ cấp GCN: CT01731 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 09/12/2010.
 - 01 xe ô tô tải có cần cầu nhãn hiệu HINO, BKS 29C-813.14, sản xuất năm 2015 tại Việt Nam theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 277194 do Phòng cảnh sát giao thông công an thành phố Hà Nội cấp cho CN tại Hà Nội CTCP Quốc tế Phương Anh ngày 09/08/2016.
 - 01 xe ô tô con JAGUAR, loại F-TYPE-R, BKS: 51F-736.41 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 187740 do công an thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/07/2016 cho Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh.
 - Quyền sử dụng đất tại phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội theo GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 940241, số Quyết định: 7222/QĐ-UBND, số vào sổ cấp GCN: CH03082 do UBND huyện Từ Liêm (cũ), thành phố Hà Nội cấp ngày 04/11/2013 cho ông Vũ Trọng Trương đã được chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Thư và bà Nguyễn Thị Hương ngày 24/11/2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

- Căn hộ chung cư số 1402A, diện tích: 159m² theo GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 960461, số QĐ: 1847/QĐ-UBND, số cấp vào sổ GCN: CH00418 do UBND quận Nam Từ Liêm thành phố Hà Nội cấp ngày 29/08/2014.
 - Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 2, tờ bản đồ số 757, Lô A16 Khu phức hợp đô thị, thương mại dịch vụ cao tầng và căn hộ đầu tuyến Sơn Trà – Điện Ngọc, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng theo GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 645827, số vào sổ cấp GCN: CT01729 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 09/12/2010.
 - Bất động sản tại thửa đất số 7, tờ bản đồ số 755, lô B4,3-18, Tổ hợp Trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê, nhà ở cao tầng và biệt thự cao cấp Sơn Trà – Điện Ngọc, thuộc dự án khu tái định cư đầu tuyến Sơn Trà – Điện Ngọc, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 645933, số vào sổ cấp GCN: CT01787 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 31/12/2010 cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Hà Nội Sông Hồng, đăng ký chuyển nhượng cho Bà Hà Thị Hải Vân ngày 14/03/2019.
 - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DD 410567 ngày 21/10/2021 cho Ông Hoàng Văn Thành và bà Bùi Ngọc Oanh đã chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Thu Hằng ngày 12/01/2022.
 - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BG 925313 do UBND huyện Quốc Oai cấp ngày 05/01/2012 cho Bà Phùng Thị Mai Hương đã chuyển nhượng cho Ông Nguyễn Hùng Cường ngày 20/01/2022.
 - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số AH 196361 do UBND huyện Quốc Oai cấp ngày 30/09/2008 cho bà Đinh Thị Tho đã đính chính chuyển nhượng cho Ông Nguyễn Hùng Cường ngày 20/01/2022.
 - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số AH 498534 do UBND huyện Quốc Oai cấp ngày 07/03/2007 cho bà Đinh Thị Tho đã chuyển nhượng cho Bà Nguyễn Thị Thanh Nga ngày 22/02/2022.
- (2) Hợp đồng tín dụng số 18926.22.070.7325030.TT ngày 28/04/2022 giữa Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Điện Biên Phủ và Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh, với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 VNĐ;
 - Mục đích vay: Phục vụ hoạt động kinh doanh sắt thép, inox (Không bao gồm thép phế liệu);
 - Thời hạn hợp đồng: Từ 28/04/2022 đến 25/04/2023;
 - Lãi suất cho vay: theo văn bản nhận nợ với Ngân hàng MB;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Tài sản đảm bảo là bất động sản tại thửa đất số 34, tờ bản đồ số 756, Lô B4,1-5, Tổ hợp trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê, nhà ở cao tầng và biệt thự cao cấp Sơn Trà-Điện Ngọc, thuộc Dự án Khu tái định cư đầu tuyến Sơn Trà – Điện Ngọc, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 645940, số vào sổ cấp GCN: CT01829 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 31/12/2010 cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Hà Nội Sông Hồng, Ngày 12/7/2022, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận Sơn Trà – Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đà Nẵng xác nhận tặng cho bà Nguyễn Thị Hương theo hồ sơ số 001829.TA.005.

(3) Hợp đồng tín dụng số 202125999772 ngày 12/12/2022 ký kết giữa Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Thủ Đức và Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh, với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 VNĐ;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh thép các loại
- Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng;
- Lãi suất cho vay: Quy định cụ thể trên từng văn kiện tín dụng cụ thể;

Tài sản đảm bảo là tài sản cụ thể như sau:

- Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thuê đất, bao gồm nhưng không giới hạn các hoa lợi, lợi tức phát sinh từ hoạt động kinh doanh, khai thác giá trị của quyền sử dụng 22.788m² đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp đã xây dựng làm cơ sở sản xuất kinh doanh tại phường Phùng Chí Kiên, thị xã Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên thuộc quyền sử dụng của mình theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 380399, số vào sổ cấp GCN: CT08731 so Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Hưng Yên cấp ngày 21/04/2020 cho Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh và Hợp đồng thuê đất số 61/HĐ-TĐ ngày 16/04/2020 ký giữa Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Hưng Yên và Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh. Trị giá tài sản đảm bảo là: 41.018.200.000 đồng.
- Các hạng mục công trình thuộc nhà máy gia công inox Thành Nam tại thửa đất số 186, tờ bản đồ số 07 phường Phùng Chí Kiên, thị xã Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV380399, số vào sổ cấp GCN: CT08731 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Hưng Yên cấp ngày 21/04/2020 cho Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh. Trị giá tài sản bảo đảm là: 36.850.800.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

- Ông Nguyễn Văn Thụ và bà Nguyễn Thị Hương thế chấp 01 bất động sản tại thửa đất số 253+254, tờ bản đồ số 1, địa chỉ phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 412746, số QĐ: 1722/QĐ-UBND, số vào sổ cấp GCN: CH00031 do UBND huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội cấp ngày 09/03/2010 cho ông Nguyễn Tuấn Anh, đã tặng cho ông Nguyễn Văn Thụ và bà Nguyễn Thị Hương ngày 21/06/2022 tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội – chi nhánh quận Nam Từ Liêm và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 412485, số QĐ: 1722/QĐ-UBND, số vào sổ cấp GCN: CH00032 do UBND huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội cấp ngày 09/03/2010 cho ông Nguyễn Xuân Thắng đã tặng cho ông Nguyễn Văn Thụ và bà Nguyễn Thị Hương ngày 21/06/2022 tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội – chi nhánh quận Nam Từ Liêm. Trị giá tài sản bảo đảm là: 13.915.000.000 đồng.
 - Ông Nguyễn Văn Thụ và bà Nguyễn Thị Hương thế chấp 01 bất động sản tại thửa đất số 04(1), tờ bản đồ số 05, tại thôn Phú Mỹ, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AN10404, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H3389, số QĐ:2467/QĐ-UBND do UBND huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội cấp ngày 24/06/2008 cho ông Nguyễn Chính Nghĩa và bà Nguyễn Thanh Hằng đã sang tên chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Thụ và bà Nguyễn Thị Hương ngày 17/02/2021 tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội – chi nhánh quận Nam Từ Liêm. Trị giá tài sản bảo đảm: 19.052.000.000 đồng.
- (4) Hợp đồng tín dụng số 130822-6340177-01-SME ngày 05/09/2022 ký kết giữa Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Hà Nội và Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh, với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 VNĐ;
 - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh thép các loại
 - Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng;
 - Lãi suất cho vay: Quy định cụ thể trên từng khung ước nhận nợ;

Tài sản đảm bảo là tài sản của Công ty cụ thể như sau:

- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DG 261049, Số vào sổ cấp GCN: CTs 246761 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 06/10/2022 đứng tên Ông Nguyễn Văn Thụ và Bà Nguyễn Thị Hương.
- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DG 261048, Số vào sổ cấp GCN: CTs 246760 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 06/10/2022 đứng tên Ông Nguyễn Văn Thụ và Bà Nguyễn Thị Hương.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Tổ dân phố Tứ Mỹ, phường Phùng Chí Kiên,
Thị xã Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**18.1. BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
01/01/2021	255.000.000.000	-	71.912.831.223	326.912.831.223
- Tăng vốn trong năm	25.499.680.000	-	-	25.499.680.000
- Lãi trong năm	-	-	61.731.208.875	61.731.208.875
- Phân phối lợi nhuận	-	556.025.698	(53.973.380.168)	(53.417.354.470)
31/12/2021	<u>280.499.680.000</u>	<u>556.025.698</u>	<u>79.670.659.930</u>	<u>360.726.365.628</u>
01/01/2022	280.499.680.000	556.025.698	79.670.659.930	360.726.365.628
- Lãi trong năm	-	-	9.549.575.605	9.549.575.605
31/12/2022	<u>280.499.680.000</u>	<u>556.025.698</u>	<u>89.220.235.535</u>	<u>370.275.941.233</u>

18.2. CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	280.499.680.000	280.499.680.000
- Vốn góp cuối năm	280.499.680.000	280.499.680.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	7.896.996.500

18.3. CỔ PHIẾU

	31/12/2022	01/01/2022
	CP	CP
- Số lượng cổ phiếu đã được đăng ký phát hành	28.049.968	28.049.968
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra	28.049.968	28.049.968
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	28.049.968	28.049.968
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	28.049.968	28.049.968
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	28.049.968	28.049.968
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (10.000 VND/CP)		

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại	31/12/2022	01/01/2022
- USD	1.442	1.445
- JPY	-	4.816.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	31/12/2022 VND	Năm 2021 VND
- Doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm	955.636.404.013	1.114.265.541.361
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	13.144.660.808	9.431.478.541
	<u>968.781.064.821</u>	<u>1.123.697.019.902</u>

21. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Các khoản giảm trừ doanh thu	77.113.225	190.094.095
Trong đó:		
+ Giảm giá hàng bán	-	18.253.760
+ Hàng bán bị trả lại	77.113.225	171.840.335

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
- Giá vốn bán hàng hóa và thành phẩm	942.062.979.188	1.009.627.072.835
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	13.291.463.445	9.622.132.471
	<u>955.354.442.633</u>	<u>1.019.249.205.306</u>

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	31/12/2022 VND	Năm 2021 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	64.843.751	150.877.272
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	1.124.775.373	-
	<u>1.189.619.124</u>	<u>150.877.272</u>

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
- Chi phí lãi vay	20.496.366.615	16.960.418.459
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	12.528.000	1.349.136.614
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác	8.362.440.585	-
	<u>28.871.335.200</u>	<u>18.309.555.073</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Tổ dân phố Tứ Mỹ, phường Phùng Chí Kiên,
Thị xã Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	93.052.401.349	5.707.823.451
- Chi phí nhân viên quản lý	1.718.317.000	1.277.897.000
- Chi phí đồ dùng văn phòng	67.841.513	1.017.026.333
- Khấu hao tài sản cố định	523.792.160	1.121.225.681
- Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	82.109.185.363	391.669.952
- Thuế, phí, lệ phí	5.592.233.167	33.817.858
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	266.145.003	1.434.966.288
- Chi phí quản lý khác	2.774.887.143	431.220.339
Các khoản chi phí bán hàng	1.729.694.295	1.912.698.486
- Chi phí công cụ dụng cụ	25.069	12.460.351
- Chi phí nhân viên bán hàng	692.836.750	919.960.000
- Khấu hao tài sản cố định	385.582.860	470.042.268
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	154.659.642	162.249.698
- Chi phí bán hàng khác	496.589.974	347.986.169
	94.782.095.644	7.620.521.937

26. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
- Chênh lệch góp vốn bằng Bất động sản đầu tư (*)	122.872.035.020	-
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	156.740.916	84.388.150
- Các khoản khác	20.358.167	-
	123.049.134.103	84.388.150

(*): Là khoản chênh lệch khi góp vốn bằng quyền sử dụng thửa đất số 99 tờ bản đồ số 61 tại Tổ hợp trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê, nhà ở cao tầng và biệt thự cao cấp Sơn Trà – Điện Ngọc, phường Ngọc Quang, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 992090, số vào sổ cấp GCN: CT09442 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 04/10/2011 vào Công ty CP Địa ốc Thành Lâm (Xem tại Thuyết minh số 17).

27. CHI PHÍ KHÁC

	31/12/2022 VND	Năm 2021 VND
- Lỗ thanh lý tài sản cố định	-	181.957.755
- Các khoản bị phạt	433.415.760	259.702.932
- Chi phí khấu hao không hợp lệ	272.592.275	402.853.304
- Chi phí khác	1.083.265.022	39.752.968
	1.789.273.057	884.266.959

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lợi nhuận/Lỗ kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.549.575.605	61.731.208.875
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	(1.124.775.373)	(168.000.000)
+ <i>Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm</i>	(1.124.775.373)	-
+ <i>Thù lao HĐQT</i>	-	-
+ <i>Trích quỹ khen thưởng phúc lợi</i>	-	(168.000.000)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	8.424.800.232	61.563.208.875
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	28.049.968	27.672.712
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	340	2.225

29. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Sử dụng tài sản bên liên quan đảm bảo cho khoản vay

Bà Hà Thị Hải Vân - Chủ tịch HĐQT đã dùng tài sản để đảm bảo cho khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 26/2022/HDHM-PN/SHB.112500 ngày 18/02/2022 ký kết giữa Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội – Chi nhánh Vĩnh Phúc và Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh. (Xem tại Thuyết minh số 17).

Số dư với các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Phải thu ngắn hạn khác			
- Công ty Cổ phần Địa ốc Thành Lâm	Công ty liên doanh, liên kết	959.700.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Tổ dân phố Tứ Mỹ, phường Phùng Chí Kiên,
Thị xã Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Thù lao, thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc

	Chức vụ	Năm 2022	Năm 2021
		VND	VND
Hội đồng Quản trị			
- Bà Hà Thị Hải Vân	Chủ tịch HĐQT	598.726.000	507.120.000
- Bà Nguyễn Thị Ngọc Hà	Thành viên HĐQT	60.000.000	12.000.000
- Bà Lưu Thị Thu Thùy	Thành viên HĐQT	256.775.000	191.293.000
- Ông Nguyễn Văn Kiên	Thành viên HĐQT (Đến ngày 28/06/2021)	110.431.000	52.636.000
- Ông Trần Duy Cường	Thành viên HĐQT	-	84.621.000
- Ông Vũ Văn Toàn	Thành viên HĐQT	171.520.000	154.570.000
- Ông Vũ Văn Toàn	Thành viên HĐQT	-	12.000.000
Ban Tổng Giám đốc			
- Ông Nguyễn Dương Hải	Tổng Giám đốc	-	58.636.000
Ban Kiểm soát			
- Bà Hà Thị An	Trưởng ban (Từ ngày 18/03/2022)	105.381.000	245.755.000
- Bà Đào Thị Thu Hương	Trưởng ban (Đến ngày 17/03/2022)	101.381.000	89.216.000
- Bà Nguyễn Thị Thúy	Thành viên (Đến ngày 17/03/2022)	-	107.966.000
- Bà Phan Thị Diệu Linh	Thành viên (Đến ngày 17/03/2022)	-	42.573.000
- Bà Lê Thị Nga	Thành viên (Từ ngày 18/03/2022)	-	6.000.000
- Bà Nguyễn Thị Thùy Linh	Thành viên (Từ ngày 18/03/2022)	2.000.000	-
- Bà Nguyễn Thị Thùy Linh	Thành viên (Từ ngày 18/03/2022)	2.000.000	-
Kế toán trưởng			
- Bà Trần Thị Hồng Khang	Kế toán trưởng	138.874.000	-


30. BÁO CÁO BỘ PHẬN


Hội đồng quản trị Công ty xác định rằng, Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh sắt thép, gia công tráng phủ kim loại diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.


31. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty khác.

Hưng Yên, ngày 16 tháng 03 năm 2023


Trần Thị Hồng Khang
Người lập biểu


Trần Thị Hồng Khang
Kế toán trưởng


Hà Thị Hải Vân
Chủ tịch HĐQT

